

THẾ GIỚI ĐỊA CHÍNH TRỊ NĂM 2014

LƯƠNG VĂN KẾ^(*)

Nhìn lại chuỗi các sự kiện chính trị diễn ra trong năm 2014 thì thấy rằng, năm 2014 quả là một thời điểm mà bức tranh toàn cảnh địa chính trị của thế giới đã thay đổi lớn so với thời gian trước đó. Các cường quốc đã không còn ứng xử với nhau và với các nước nhỏ một cách có kiềm chế và ít nhiều tôn trọng theo cách cũ. Quyền uy của các chính khách mang tầm toàn cầu cũng theo đó mà thay đổi nấc thang. Cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu vẫn chưa tìm ra lối thoát hiểm thì lại được bồi thêm một đòn độc của giá dầu lao dốc không phanh, trạng thái chính trị - an ninh của các khu vực dưới tác động của các xung đột mới cũng mang vẻ đầy kịch tính và khó dự đoán, v.v... Tất cả tạo nên một 'video-map' truyền kỳ đầy sống động hàm chứa nhiều bất ngờ lớn đối với các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Trong một bài viết nhỏ, khó có thể phân tích được toàn diện và sâu sắc bức tranh toàn cảnh địa chính trị thế giới năm 2014, nên chúng tôi chỉ tập trung phân tích một số sự kiện cốt yếu làm nên bức tranh sống động của chính trị thời cuộc. Qua đó chúng ta có thể rút ra những mối liên hệ khăng khít giữa các sự kiện trong thời đại toàn cầu hóa và

những bài học về lý luận nhận thức đối với quy luật vận động và phát triển của đời sống chính trị quốc tế và phương cách ứng xử của Việt Nam trong bối cảnh phức tạp đó.

I. Ukraine - Quyết chiến điểm giữa Nga và phương Tây

Sự kiện địa chính trị xuyên suốt cả năm 2014 và vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc là cuộc khủng hoảng chính trị ở Ukraine. Đã có hàng ngàn bài viết về vấn đề nóng bỏng này kể từ cuối năm 2013. Bỏ qua các sự kiện quá cụ thể của cuộc khủng hoảng, chúng ta có thể đưa ra một số nhận định khái quát từ quan điểm lý luận địa chính trị như sau:

1. *Thứ nhất, khủng hoảng Ukraine bắt nguồn sâu xa từ khủng hoảng kinh tế - xã hội bên trong.* Đã hơn hai mươi năm kể từ ngày tách ra khỏi Liên Xô năm 1991 và tuyên bố độc lập, Ukraine vẫn loay hoay đi tìm con đường phát triển, nhưng tất cả đã không thành công. Các lực lượng chính trị bên trong Ukraine tuy đa dạng và phức tạp vẫn có thể quy về hai nhóm là nhóm chủ trương phát triển theo mô hình dân chủ và kinh tế thị trường kiểu Tây Âu,

^(*) TSKH., Đại học Quốc gia Hà Nội.

nhóm thứ hai chủ trương duy trì mối quan hệ kinh tế và chính trị gắn bó với nước Nga. Về mặt địa chính trị, nhóm theo xu thế đầu là các địa phương phía Tây và Bắc Ukraine tiếp giáp với các thành viên mới của Liên minh châu Âu (EU); nhóm theo xu thế thân Nga thuộc về vùng lãnh thổ Đông và Nam Ukraine tiếp giáp với nước Nga mà đa phần dân cư gốc Nga hoặc có quan hệ thân tộc với người Nga. Khó mà xác quyết sự lựa chọn của nhóm nào là tối ưu với Ukraine. Bởi vì mỗi nhóm đều có lý lẽ của mình.

Thứ hai, cuộc khủng hoảng Ukraine là kết quả của cuộc cạnh tranh địa chiến lược giữa phương Tây và Nga ở không gian Đông Âu hậu Xô viết. Một câu hỏi đặt ra là, tại sao Liên Xô - thành trì của phe XHCN, đối thủ ý thức hệ của phương Tây - đã tan rã rồi mà Mỹ và phương Tây vẫn tiếp tục gây sức ép với Nga? Lời giải cho câu hỏi này nằm ở các học thuyết địa chính trị của phương Tây từ đầu thế kỷ XX, trong đó cho rằng trung tâm của quyền lực thế giới nằm ở vùng lõi của đại lục địa Âu-Á, trùng hợp với khu vực lãnh thổ thuộc Liên Xô cũ. Tuy Liên Xô đã tan rã, lãnh thổ đã bị thu hẹp đến 5 triệu km², nhưng nước Nga vẫn còn các đồng minh chiến lược là sân sau của mình ở khu vực đệm giữa EU và Nga, trong đó *Ukraine là một địa bàn then chốt*. Bằng thực lực to lớn của mình, Nga tiếp tục chi phối vùng không gian đệm này, không để nó rơi vào ảnh hưởng của phương Tây, nhất là của Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO). Với một cách nhìn địa chiến lược như thế, Mỹ sau khi nắm được vận mệnh của Tây Âu thông qua NATO từ năm 1949 đã tìm mọi cách để khống chế 'hòn đảo thế giới', kiên quyết không cho

các quốc gia Âu-Á tập hợp lực lượng xung quanh Nga hoặc Trung Quốc, gây ra các xung đột hoặc tìm chỗ đứng chân suốt từ vùng Trung Đông, Tiểu Á (Caucasus), Trung Á, Đông và Nam Âu.

Thủ đoạn mới trong chiến lược chi phối đại lục Âu-Á của Mỹ là tạo ra một cuộc *Chiến tranh Lạnh mới* với Nga. Theo chiến lược gia William Engdahl, cuộc Chiến tranh Lạnh mới nhằm mục tiêu tổng quát là "chiếm ưu thế toàn diện" về sức mạnh cứng, cả trên bộ, trên không, trên biển, trong vũ trụ, trong môi trường điện từ và trong không gian ảo. Trong thực tế, cản trở duy nhất đối với Mỹ trong việc thực hiện "chiến lược chiếm ưu thế toàn diện" sau khi Liên Xô sụp đổ chỉ có thể là nước Nga.

Diễn biến mới đáng lo ngại nhất trong Chiến tranh Lạnh mới là ngày 5/12/2014, Hạ viện Mỹ đã thông qua Nghị quyết số 758, trong đó có nội dung cáo buộc Nga "xâm lược" Ukraine, từ đó đưa ra đề nghị Chính phủ Mỹ viện trợ quân sự cho Ukraine, yêu cầu NATO và các đối tác của Mỹ chấm dứt hợp tác quân sự với Nga, mở rộng các biện pháp cấm vận chống lại Nga, đề nghị EU và Ukraine không nhập khẩu năng lượng của Nga, cáo buộc Nga vi phạm Hiệp ước hủy bỏ tên lửa tầm trung và tầm ngắn ở châu Âu.

Thứ ba, khi nói đến bản chất xung đột ở Ukraine, không thể không nhìn vào bản chất của quan hệ Nga-Ukraine. Đó vốn là mối quan hệ anh em ruột thịt trong hàng nghìn năm lịch sử kể từ khi lập nên vương quốc Đông Slave Nga - Kiev. Mối quan hệ cộng nguồn gần gũi về nhân chủng, ngôn ngữ, tôn giáo, văn hóa và cùng chung vận mệnh trong suốt nhiều thế kỷ khiến cho một số người

Nga muốn phủ định tính chất độc lập của Nhà nước Ukraine và bản sắc dân tộc Ukraine. Nhưng dù thế nào thì Ukraine vẫn không toàn toàn là Nga, vì thế trong những thời kỳ chủ nghĩa dân tộc cực đoan nổi lên ở Ukraine, lại được các thế lực bên ngoài cổ vũ, lôi kéo (ví dụ trong Chiến tranh thế giới thứ Hai và hiện nay), thì mối quan hệ anh em Nga-Ukraine bùng phát xung đột. Nhưng chưa khi nào cuộc xung đột lại dữ dội và đầy kịch tính như hiện nay.

Thứ tư, cuộc khủng hoảng Ukraine ngày càng trở nên kịch tính, một mất một còn và không có hồi kết giữa một bên là Chính phủ Kiev thân phương Tây của Tổng thống Poroshenko với các lực lượng miền Đông Nam Ukraine đòi tự trị dưới sự hậu thuẫn của Nga. Cho dù có sự can thiệp và trung gian hòa giải của quốc tế mà thỏa thuận Minsk ngày 21/2/2014 là nền tảng, vẫn chưa có bất kỳ một dấu hiệu nào của sự xuống thang ở các bên. Ngược lại, các bên không ngớt đưa ra các tuyên bố cứng rắn và tiến hành các cuộc giao chiến ác liệt mà chiến trường chính là lãnh thổ của 'Cộng hòa Donesk' tự xưng *nối liền với lãnh thổ Nga và dưới sự hậu thuẫn của Nga*.

2. Cuộc khủng hoảng Ukraine tác động sâu sắc và toàn diện đến tình hình thế giới, nhất là trên góc độ địa chính trị. *Tác động trước tiên của cuộc khủng hoảng là làm tan nát nước Ukraine*: (1) Tổn thất kinh tế vô cùng to lớn do các cơ sở kinh tế và sản xuất bị phá hủy, các hợp đồng kinh tế với nước ngoài bị hủy bỏ, cuộc chiến quân sự với phe ly khai ngốn những khoản chi tiêu khổng lồ mà nội lực và viện trợ của phương Tây chỉ là muối bỏ bể; Ukraine luôn bị đe dọa

bởi Nga sẵn sàng cắt nguồn cung dầu khí cho Ukraine bất kỳ lúc nào, trong khi các khoản nợ khí đốt với Nga không thể thanh toán đúng hạn, các hợp đồng kinh tế kỹ thuật quân sự với Nga bị đình trệ và phần lớn các cơ sở công nghiệp công nghệ cao này rơi vào tay phe ly khai thân Nga; đời sống nhân dân Ukraine nhất là ở vùng chiến sự gặp vô vàn khó khăn, đồng tiền bản địa mất giá theo đà mất giá của đồng Ruble Nga. (2) Nguy cơ mất lãnh thổ và chia cắt lãnh thổ lâu dài không chỉ đối với bán đảo Crimea vào tay nước Nga, mà cả vùng Đông Nam giáp biên giới với Nga. (3) Ukraine rơi vào trạng thái bất ổn an ninh cực lớn và thường xuyên do sức ép từ Nga và các lực lượng ly khai cũng như do các cuộc cạnh tranh địa chiến lược giữa NATO và Nga mà lãnh thổ Ukraine là địa bàn chính hiện nay.

Tác động thứ hai của cuộc khủng hoảng Ukraine là đẩy nền kinh tế Nga đến khủng hoảng và suy thoái trầm trọng. Các cuộc trừng phạt kinh tế của Mỹ và phương Tây đối với Nga tuy không làm nước Nga sụp đổ, nhưng đã và sẽ đẩy nước Nga vào sự suy thoái với tốc độ chưa từng thấy kể từ năm 1991 đến nay, do đồng Ruble mất giá tới gần 50%. Thậm chí EU và Mỹ đang xem xét việc loại Nga ra khỏi hệ thống thanh toán quốc tế SWIFT. Mục đích mà châu Âu hướng đến là đưa đồng Ruble của Nga - vốn đang trượt giá thảm hại trở thành đối tượng bị kiểm soát tương tự như vũ khí hạt nhân hay vũ khí giết người hàng loạt, vũ khí hóa học.

Tác động thứ ba của cuộc khủng hoảng Ukraine là tác động tiêu cực đến nền kinh tế thế giới, trước hết là đối với kinh tế EU do các biện pháp trừng phạt kinh

tế của chính họ và Mỹ đưa ra. Các nước gánh chịu hậu quả lớn do trừng phạt kinh tế Nga là Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Italia... - là những nước có nhiều quan hệ buôn bán và đầu tư với Nga. Chỉ riêng lĩnh vực buôn bán nông sản vào Nga, các doanh nghiệp EU đã thất thu hàng chục tỷ Euro. Việc giá dầu lao dốc kỷ lục kể từ 8 năm nay tuy là một đòn đánh vào chủ lực kinh tế Nga, nhưng các doanh nghiệp dầu khí trên khắp thế giới, nhất là các nước thuộc khối Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) thiệt hại to lớn.

Tác động thứ tư là, cuộc khủng hoảng Ukraine đã dẫn đến 'tái cấu trúc' quyền lực địa chính trị ở cấp toàn cầu:

- Sự tiêu vong của trật tự đơn cực do Mỹ độc tôn lãnh đạo kể từ sau 1990 đến nay theo như tuyên bố của Tổng thống Nga V. Putin tháng 3/2014.

- Tính bất khả thi của trật tự lưỡng cực Mỹ - Trung tương lai như phần lớn các bộ óc chiến lược dự đoán. Thay vào đó là sự hình thành trật tự 'tam hùng' bao gồm Mỹ, Trung Quốc và Nga, sau khi nước Nga cho thấy tiềm lực và khả năng giải quyết các vấn đề quốc tế cũng như bảo vệ các quyền lợi quốc gia của mình; đồng thời cho thấy mức độ phản ứng hạn chế hết sức nghiêm trọng của Mỹ và đồng minh NATO.

- Tuy việc sáp nhập bán đảo Crimea - phần lãnh thổ hợp pháp của Ukraine - là sự đòi lại 'công bằng lịch sử' cho nước Nga, nhưng dư luận chung cho rằng nó tạo ra một tiền lệ tiêu cực trong cách hành xử dựa trên cường quyền của các nước lớn. Đây có thể là mở đầu cho một thời kỳ 'vô trật tự' hay 'vô chính phủ' trong địa chính trị thế giới. Những sự kiện Trung Quốc ra tay ở biển Đông,

chèn ép, dọa nạt và thậm chí tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược kiểu mới bằng vũ khí 'nguy' đối với vùng biển đặc quyền kinh tế của Việt Nam (như vụ hạ đặt giàn khoan HD 981 tùy tiện, xây dựng đảo nhân tạo và căn cứ quân sự khổng lồ ở bãi cạn Gạc Ma chiếm của Việt Nam năm 1988 bằng vũ lực) đang là bằng chứng về một quy tắc ứng xử dựa trên cường quyền của một thế giới đang có sự điều chỉnh về trật tự quyền lực địa chính trị.

- Nếu trật tự lưỡng cực một lần nữa hình thành, thì số phận các dân tộc, nhất là Việt Nam lại một lần nữa được đặt lên bàn cân. Các nước nhỏ yếu tương tự Việt Nam tồn tại bên cạnh các đại cường chắc chắn gặp những thách thức. Do đó buộc Việt Nam cũng như các nước khác phải điều chỉnh chính sách ngoại giao của mình theo hướng tìm kiếm đồng minh để cân bằng sức mạnh với sự đe dọa của chủ nghĩa bá quyền và bành trướng.

II. Địa chính trị dầu mỏ - Xu hướng nghịch đảo

1. Một bất ngờ lớn cho kinh tế và chính trị thế giới năm 2014 là giá dầu mỏ đã hạ thấp đột ngột ngoài sự tiên đoán và tưởng tượng của các chuyên gia có kinh nghiệm nhất. Theo dự báo của các chuyên gia, vào đầu năm 2015, giá dầu còn giảm xuống thấp hơn mức tối thiểu hiện tại 43 USD/thùng. Có thể nói, giá dầu đã giảm trên 50% so với tháng 6/2014. Như thế, nếu như trước kia các quốc gia xuất khẩu dầu chủ động 'điều tiết' thị trường theo hướng chỉ có tăng giá tùy vào mức độ 'khan hiếm' giả tạo mà họ tạo ra, thì nay kẻ chủ động điều tiết thị trường dầu lại làm theo hướng ngược lại: Giá dầu giảm bao nhiêu là do các chủ thể này quyết

định. Thị trường dầu mỏ thế giới đã có bước đi nghịch đảo bất ngờ từ tháng 6/2014, làm cho biết bao kẻ khóc người cười! Trong đó kẻ cười lớn nhất là người Mỹ - ‘nhà cái’ của cuộc chơi. Có thể lý giải điều này như thế nào và đâu là nguyên nhân của sự kiện mang tầm toàn cầu này?

Về nguyên nhân, hiện nay có hai giả thuyết: (1) hạ giá dầu là một âm mưu của Mỹ câu kết với Saudi Arabia - nước chủ chốt trong OPEC nhằm *đánh gục nước Nga* là nước mà 50% thu nhập quốc dân dựa vào xuất khẩu dầu khí. Một số nhà nghiên cứu đã so sánh việc giảm giá dầu hiện nay với việc giảm giá dầu vào những năm 1980, một trong những nguyên nhân dẫn đến sự suy sụp của nền kinh tế Liên Xô, mở đường cho sự sụp đổ của cường quốc vĩ đại này. Nếu giá dầu hạ đến mức dưới 40 USD/thùng thì một số chuyên gia cho rằng kinh tế Nga sẽ suy sụp. (2) Hạ giá dầu là do quan hệ cung cầu tự nhiên của thị trường khi mà kinh tế thế giới, nhất là nền kinh tế Trung Quốc, đã giảm đà tăng trưởng và nguồn cung dầu mỏ tăng đột biến từ nước Mỹ nhờ vào bí mật công nghệ khai thác dầu đá phiến của Mỹ. Có những người đưa ra cả lý do Nhà nước Hồi giáo tự xưng IS ở Trung Đông sau khi chiếm được các mỏ dầu chiến lược ở Syria và Iraq đã tung ra thị trường thế giới khối lượng dầu với mức giá rất thấp để lấy tiền mua các loại vũ khí và đạn dược...

Trên tất cả, có một vấn đề đặt ra là *quá trình giảm giá dầu đến mức nào thì ‘chạm đáy’*. Saudi Arabia đã tuyên bố là ngay cả khi giá dầu ở mức 20USD/thùng, họ vẫn có lãi và vẫn không cần cắt giảm sản lượng khai thác

(hiện nay khoảng 9 triệu thùng/ngày). Trong khi đó chi phí khai thác của nhiều công ty trên thế giới từ 25-45USD/ thùng (Nga có chi phí cao tới 45USD/thùng). Tuy nhiên các nghiên cứu gần đây cho thấy chi phí khai thác dầu đá phiến theo công nghệ của Mỹ sẽ không ngừng được cải tiến và có thể giảm còn trên dưới 12 USD/thùng vào cuối năm 2015. Như vậy, hiển nhiên giá dầu mỏ có thể chạm đáy ở 20 USD/thùng trong vài năm tới.

Từ năm 2007-2014, sản lượng khí đá phiến của Mỹ tăng trung bình 50% mỗi năm, tương đương mức tăng từ 5% lên 36% trong tổng thị phần khí đốt. Viện Nghiên cứu McKinsey dự báo, ngành công nghiệp khí đá phiến sẽ giúp GDP của Mỹ tăng bình quân 4% hàng năm, tặc vào khoảng 690 tỷ USD. Đáng sợ hơn, với những tiến bộ khoa học kỹ thuật, chi phí để sản xuất dầu khí từ đá phiến dầu của Mỹ mỗi ngày một giảm khiến sản lượng khai thác ngày càng tăng, biến Mỹ từ một nước nhập khẩu, vượt qua Nga và Saudi Arabia trở thành quốc gia sản xuất dầu thô lớn nhất trên thế giới.

Nhưng ngoài cách tính toán tĩnh dựa trên kỹ thuật và công nghệ nói trên ra, thì cũng cần tính đến quy luật cung cầu và cạnh tranh của thị trường toàn cầu. Theo đó giá dầu có thể tăng - giảm từng giờ, chứ không nhất thiết cứ một đà đi xuống.

2. Về tác động của việc hạ giá dầu mỏ đột ngột như hiện nay, người ta thấy rõ ràng có hai mặt: Thứ nhất, việc giảm giá dầu gây tổn thất vô cùng lớn cho nền kinh tế các nước xuất khẩu dầu mỏ. Mức độ tổn thất và nguy cơ đe dọa nền kinh tế quốc gia tỷ lệ thuận với mức độ

phụ thuộc của họ vào giá trị xuất khẩu dầu. Hậu quả nhãn tiền là nhiều công ty khai thác dầu sẽ phải thu hẹp quy mô sản xuất, đóng cửa một số mỏ, ngừng tìm kiếm và khai thác các mỏ mới, nhất là ở các địa hình khó khăn, giá thành khai thác cao. Một số công ty khai thác dầu có thể bị phá sản bởi chi phí khai thác cao hơn giá bán. Thực tế đã cho thấy một số nhà khai thác dầu đá phiến cỡ nhỏ của Mỹ đã phá sản. Ngày 9/1/2015 vừa qua, công ty đầu tiên chuyên khai thác dầu mỏ đá phiến và khí đốt ở Mỹ là WBH Energy đã tuyên bố phá sản. Công ty dịch vụ dầu khí Baker Hughes Inc công bố số liệu cho thấy số lượng các giàn khoan dầu mỏ đang hoạt động tại Mỹ giảm đi 61 giàn trong tuần (<http://baodatviet.vn/the-gioi/quan-he-quoc-te/>).

Hệ quả của việc đình trệ sản xuất dầu là tăng số người thất nghiệp, trang thiết bị khai thác bị biến thành đồng sắt vụn nếu thời gian đóng cửa lâu dài; các hợp đồng kinh tế khai thác dầu khí quốc tế cũng vì thế mà bị trì hoãn hoặc hủy bỏ, ảnh hưởng đến nền chính trị trong nước và các mối quan hệ quốc tế. Đối với chính trị trong nước của các nước mà kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu dầu mỏ, hậu quả hết sức to lớn. Do thiếu hụt nguồn thu lớn, quốc gia đó không thể thực thi các kế hoạch kinh tế, xã hội và quốc phòng theo dự kiến. Trái lại, đời sống nhân dân, nhất là của tầng lớp nghèo trong xã hội sẽ gặp nhiều khó khăn vì giá cả tăng cao. Số người nghèo đói và thất nghiệp sẽ tăng lên, trong khi ngân sách cho an sinh xã hội bị cắt giảm, tất cả dẫn đến sự bất bình của dân chúng và đây chính là cơ hội cho các lực lượng chính trị đối lập nổi lên chống

đối lại phe cầm quyền. Các xung đột xã hội và chính trị vì thế sẽ bùng nổ. Đó là lúc các nền chính trị sẽ rơi vào khủng hoảng và là cơ hội cho các thế lực ngoại bang can thiệp, kích động, lật đổ. Vì thế không phải ngẫu nhiên mà Tổng thống Nga V. Putin tố cáo phương Tây đang muốn ‘thay đổi chế độ chính trị’ hiện hành ở nước Nga. Với một cách suy luận tương tự, chúng ta có thể hình dung ra tương lai gần của nền chính trị Venezuela - láng giềng, đối thủ của Mỹ và ngân sách nhà nước phụ thuộc 90% vào xuất khẩu dầu mỏ. Ngay bản thân Iran cũng sẽ gặp vấn đề tương tự.

Trong khi đó thì những nước nhập khẩu dầu, đặc biệt là tại châu Á, lại được coi là “ngư ông đắc lợi”. Rajiv Biswas, chuyên gia kinh tế thuộc Hãng cung cấp các dịch vụ tư vấn toàn cầu IHS phụ trách khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cho rằng “giá dầu lao dốc sẽ tạo ra sự chuyển dịch khoảng 1.500 tỷ USD từ các nước xuất khẩu dầu sang những nước nhập khẩu dầu”. Tổ chức Tiền tệ quốc tế (IMF) cho rằng cứ giảm giá 10 USD/thùng dầu thì sẽ thúc đẩy kinh tế thế giới tăng trưởng thêm 0,02%. Đó là xét trên góc độ lý thuyết, còn trên thực tế các nước nhập khẩu dầu mỏ có khai thác được cơ hội để phát triển kinh tế hay không lại là một chuyện khác. Trong trường hợp EU, ngoài việc nền kinh tế khổng lồ này phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu dầu mỏ ra, nó cũng phụ thuộc nhiều vào hệ thống cung cấp khí đốt từ bên ngoài, trong đó Nga chiếm thị phần khoảng 30%. Hiện nay người ta ít quan tâm đến giá khí đốt tăng giảm thế nào theo giá dầu. Tuy nhiên, do những mối liên hệ địa lý, EU coi nguồn cung khí đốt từ Nga là lý

tưởng, bởi vì việc nhập khẩu khí đốt không thể theo cách nhập khẩu dầu. Nó cần một hệ thống ống dẫn kết nối trực tiếp nguồn cung với nơi tiêu thụ, vì thế EU khó lòng nhập khẩu khí đốt từ Mỹ cho dù nước Mỹ rất muốn khống chế EU không những về dầu mỏ mà cả về khí đốt. Trở ngại kỹ thuật (làm khí hóa lỏng và chuyên chở bằng tàu thủy) là bất khả thi do chi phí quá cao. Vì thế rõ ràng EU, kể cả Ukraine, không thể hoàn toàn thoát khỏi sự chi phối năng lượng của nước Nga.

Thứ hai, việc giảm giá dầu nhanh chóng cũng tác động to lớn đến quan hệ chính trị và an ninh quốc tế. Nhờ nguồn cung dầu khí rẻ và dồi dào, áp lực ‘cơn khát dầu’ của một số nước đang bùng nổ kinh tế cũng giảm đi đáng kể, khiến cho một số nước, như Trung Quốc - nước nhập khẩu dầu lớn thứ hai thế giới, chiếm trên 80% tổng khối lượng dầu tiêu thụ trong nước - chẳng hạn, sẽ bớt đi sự thúc bách của tham vọng chiếm đoạt các vùng lãnh thổ trên biển giàu tiềm năng dầu khí của các nước xung quanh. Bởi vì việc Trung Quốc kéo đi và hạ đặt một giàn khoan nước sâu như HD 981 ở biển Đông trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam và tiến hành khai thác được mỏ dầu khí thực tế đòi hỏi một cái giá quá lớn về kinh tế, an ninh và chính trị. Cho nên có thể nói nhờ vào giá dầu giảm sâu mà nhiều mối quan hệ quốc tế quan trọng được chấn hưng, nền hòa bình được bảo đảm thêm một bước.

Bản đồ địa chính trị năng lượng thế giới năm 2014 đã có bước điều chỉnh lớn ở một số công đoạn, theo đó một dòng chảy lớn của dầu mỏ không còn đổ về Bắc Mỹ nữa, mà giờ đây dòng chảy này

lại từ Bắc Mỹ đổ ra các khu vực trên thế giới. Nước Mỹ đang trở thành nhà xuất khẩu dầu lớn nhất và rẻ nhất thế giới. Một lần nữa nước Mỹ có cơ lấy lại địa vị lãnh đạo thế giới.

III. Thái Bình Dương nổi sóng bởi sự đụng độ của các chiến lược nước lớn

Bước vào năm 2014 cũng như quá trình đã diễn ra trước đó một vài năm, có bốn yếu tố chính trị chủ yếu tạo nên bức tranh địa chính trị sôi động đầy kịch tính ở châu Á - Thái Bình Dương.

Một là, khu vực châu Á - Thái Bình Dương không chỉ là các công xưởng của thế giới, với dân số khổng lồ (1/3 dân số thế giới) ngày càng thụ hưởng một mức sống cao hơn, mà còn đang và sẽ trở thành một thị trường tiêu thụ khổng lồ, tạo thành động lực vĩ đại cho toàn bộ sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế toàn cầu. Nhìn trên bản đồ khu vực, chúng ta có thể nhận thấy khu vực châu Á - Thái Bình Dương bao gồm ba trung tâm phát triển là Đông Bắc Á (bao gồm cả Nga), Trung Quốc và khối ASEAN. Sự bùng nổ kinh tế trong mấy thập niên gần đây đã biến Trung Quốc và ASEAN trở thành hai trong một số ít động lực tăng trưởng của thế giới. Các tổ chức kinh tế khu vực như APEC, cộng đồng ASEAN, Khu vực mậu dịch tự do Đông Bắc Á (tương lai, bao gồm 3 nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc) đang chứng tỏ vị thế và sức hút khó cưỡng lại của mình. Nếu toàn bộ khu vực Đông Á và Nga liên kết lại với nhau, thì không có bất kỳ một thế lực nào, kể cả Mỹ, có thể đủ sức ngáng trở, và tất yếu, họ sẽ là thế lực địa chính trị thống trị thực sự toàn bộ ‘hòn đảo thế giới’ là đại lục địa Âu-Á. Vì thế, cùng với đà phát triển của sức mạnh kinh tế, châu Á - Thái Bình

Dương nhanh chóng trở thành địa bàn cạnh tranh quyền lực toàn cầu giữa các thế lực hùng hậu nhất thế giới.

Hai là, các cường quốc đã thực sự bước vào cuộc cạnh tranh chiến lược lâu dài ở đại không gian chiến lược này của thế giới. *Sự nổi lên mạnh mẽ của Trung Quốc* về mọi mặt, nhất là về kinh tế và quân sự, và các tham vọng địa chính trị của nước này là tác nhân chủ yếu cho toàn bộ hành xử chiến lược của các cường quốc khác trong và ngoài khu vực, trong đó chủ chốt vẫn là Mỹ, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ và đương nhiên là Trung Quốc. Trong 5-10 năm tới, Mỹ sẽ tiếp tục chính sách 'xoay trục' về châu Á - Thái Bình Dương nhằm kiềm chế Trung Quốc. Tuy nhiên chính sách xoay trục của Mỹ gặp nhiều trở ngại bởi diễn biến đầy kịch tính của tình hình bất ổn ở Trung Đông và khủng hoảng Ukraine liên quan đến Nga. Vì thế tiến độ tái cân bằng chiến lược của Mỹ ở khu vực này không thể hiện rõ nét. Trái lại, người ta thấy hành xử của Trung Quốc năm 2014 trên biển Thái Bình Dương ngày càng trở nên có quy mô không gian lớn hơn, thái độ càng quyết đoán, hung hãn và xảo quyệt hơn. Đỉnh điểm của chuỗi hành xử dựa trên cường quyền của Trung Quốc là việc xác lập vùng nhận dạng phòng không (IDIZ) trên biển Hoa Đông đụng chạm đến chủ quyền của Nhật Bản và Hàn Quốc, và việc Trung Quốc hạ đặt giàn khoan dầu khí nước sâu Hải Dương 981 vào sâu trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam từ tháng 5-7/2014.

Ba là, cuộc cạnh tranh địa chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương ngày càng quyết liệt đã và đang đưa đến một hình

thế liên kết và tập hợp lực lượng mới ở khu vực. Tuy nhiên cách thức tập hợp lực lượng giữa Mỹ và Trung Quốc có nhiều khác biệt lớn: Nếu như Trung Quốc chỉ ỷ vào sức mình là chính, thu phục thiện cảm các nước trong khu vực bằng các hợp đồng kinh tế, các dự án viện trợ phát triển, đe dọa bằng phô trương sức mạnh quân sự trên biển... thì Mỹ lại đi theo cách khác. Một mặt, Mỹ tăng cường hiệu lực của Hiệp ước an ninh với hai nước Đông Bắc Á là Mỹ-Nhật, Mỹ-Hàn, bật đèn xanh cho Nhật Bản thay đổi điều luật về quân đội theo hướng tạo điều kiện cho Nhật Bản liên minh quân sự với nước khác. Mặt khác, Mỹ tập hợp lực lượng thông qua các thỏa thuận hợp tác song phương với các nước 'bạn bè' mà đa phần bị Trung Quốc chèn ép, trong đó có cả các thỏa thuận về quốc phòng và an ninh, như thỏa thuận cho phép tàu hải quân Mỹ ghé cảng, thỏa thuận về diễn tập quân sự chung, phối hợp tuần tra an ninh biển và cứu hộ cứu nạn, đào tạo sĩ quan chuyên môn, bán vũ khí sát thương và các phương tiện chiến tranh khác. Việt Nam đã và đang trở thành một đối tác an ninh đầy tiềm năng của Mỹ ở khu vực trong ván bài kiềm chế Trung Quốc và bảo đảm an ninh, an toàn và tự do hàng hải ở Thái Bình Dương. Trong số các dự án tập hợp lực lượng đối phó với Trung Quốc, thì tổ chức Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) bao gồm 12 quốc gia thành viên trong đó có Việt Nam được Mỹ gửi gắm nhiều kỳ vọng nhất. Trong suốt năm 2014, các cuộc đàm phán giữa các bên, cả song phương và đa phương đã diễn ra dồn dập, tích cực, hiệu quả, nhưng vẫn không đạt tiến độ mục tiêu đề ra là kết thúc đàm phán vào cuối năm 2014. Điều đó sẽ dẫn đến sự cạnh tranh trong lĩnh

vực an ninh quốc tế, làm xuất hiện các đề án liên kết thay thế và loại trừ lẫn nhau, tạo ra những hậu quả tiêu cực đối với hòa bình và ổn định trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Nói Trung Quốc chỉ ý vào sức mình là chính không có nghĩa rằng Trung Quốc đơn độc trong cuộc cạnh tranh với Mỹ ở khu vực. Mà trái lại, Trung Quốc vẫn có những bước đi ngoạn mục trong tập hợp lực lượng nhằm cân bằng với sức mạnh ngăn cản của Mỹ. Thời cuộc đã đẩy nước Nga vào trong vòng tay của Trung Quốc. Năm 2014 thế giới được chứng kiến sự hình thành mối liên kết chiến lược toàn diện giữa hai người khổng lồ của đại lục địa Âu-Á là Trung Quốc và Nga, mà nòng cốt của liên kết này là các hợp đồng kinh tế giá trị lớn và lâu dài, các hợp đồng vũ khí, trang bị quân sự và các cuộc tập trận chung cả trên biển và trên đất liền giữa hai nước, trong khuôn khổ của Tổ chức Thượng Hải (SCO) hay hợp tác song phương. Người ta vẫn không quên cuộc tập trận hải quân chung lớn của Trung Quốc và Nga ở biển Hoa Đông tháng 5/2014 giữa lúc Trung Quốc hạ đặt giàn khoan HD 981 vào vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Người ta cũng ghi nhận một hợp đồng kinh tế giá trị 400 tỷ USD về việc Trung Quốc mua khí đốt của Nga trong thời hạn 30 năm. Tình hữu nghị giữa Trung Quốc và Nga năm 2014 đã đạt đến đỉnh điểm thể hiện qua phát biểu của Tổng thống Nga V. Putin: *Chưa bao giờ trong lịch sử quan hệ giữa hai nước tốt đẹp như bây giờ*. Tuy nhiên, bản chất của quan hệ chiến lược toàn diện Trung - Nga vẫn không phải là quan hệ đồng minh, mà là quan hệ 'bạn hàng và bạn bè' thuần túy. Cho dù nhất thời hai bên nhất trí ở mục tiêu chung:

hợp lực để đối trọng với Mỹ, phá thế đơn cực của Mỹ và thiết lập một trật tự địa chính trị đa cực mà họ phải thuộc về nhóm người chơi chính.

Bốn là, để giành giật 'thị phần' quyền lực châu Á - Thái Bình Dương, tất cả các thế lực chủ chốt trong khu vực và trên thế giới đều tìm cách 'xoay trục' sang châu Á, chứ không riêng gì nước Mỹ. EU có lẽ là khu vực tuyên bố chiến lược hướng về châu Á sớm nhất, ngay từ thập niên 1990 sau khi Trung Quốc đã tiến những bước vũ bão trên con đường cải cách kinh tế. Mỹ đã công khai tuyên bố trở lại châu Á từ năm 2010 và Tổng thống B. Obama chính thức tuyên bố chiến lược chuyển trọng tâm chiến lược sang châu Á - Thái Bình Dương vào cuối năm 2011. Các nhà lãnh đạo Nga, sau hàng thập niên theo đuổi đáng thất vọng chiến lược hướng Tây, đã đề xướng thuyết Âu-Á mà trọng tâm là chính sách hướng về châu Á - Thái Bình Dương. Sự kiện ghi dấu ấn đậm nét cho chiến lược hướng Đông của Nga là tổ chức Hội nghị thượng đỉnh APEC năm 2012 tại Vladivostok, đưa ra hàng loạt đại kế hoạch nhằm chấn hưng vùng Siberia và Viễn Đông mênh mông. Tại cuộc họp Thượng đỉnh APEC Bắc Kinh năm 2014, một lần nữa Tổng thống Nga kêu gọi hợp tác đầu tư phát triển vùng Viễn Đông của Nga. Tất cả các quyết định của Nhà nước và các biện pháp nhằm cải thiện chất lượng tình hình kinh tế, xã hội của cả một vùng lãnh thổ rộng lớn bắt đầu từ dãy núi Ural của nước Nga là để thực hiện mục tiêu phát triển toàn bộ nước Nga như một cơ thể sống toàn diện và đầy đủ nhất. Tuy nhiên, thắng lợi về mặt ngoại giao không tương đồng với những thành tựu về kinh tế. Tỷ phần các nền kinh tế của

khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong trao đổi thương mại của Nga đạt ở mức 24,8% trong năm 2013.

Ấn Độ đề xướng và triển khai Chiến lược hướng Đông hay Hành động hướng Đông từ những năm 1990 sau khi Ấn Độ bắt đầu cải cách kinh tế. Mục đích của chiến lược này là cùng với các đối tác và đồng minh ở Đông Á hợp tác để phát triển kinh tế, thiết lập khu vực mậu dịch tự do, bảo vệ quyền tự do lưu thông và an ninh hàng hải, chống lại bá quyền độc chiếm biển Đông của Trung Quốc, giảm áp lực từ mối đe dọa Trung Quốc ở Ấn Độ Dương và trên khu vực tranh chấp chủ quyền dọc biên giới lục địa tiếp giáp với Trung Quốc. Nói một cách ngắn gọn, chiến lược hướng Đông của Ấn Độ nhằm tạo ra vòng cung kiểm chế chủ nghĩa bá quyền và bành trướng Trung Quốc.

Nét khác biệt cơ bản giữa chiến lược hướng Đông của Ấn Độ với chiến lược Biển Xanh của Trung Quốc là ở chỗ, Ấn Độ luôn lấy liên kết với các đồng minh chiến lược có thực lực ở khu vực (trước hết với *Nhật Bản, Mỹ, Việt Nam, Australia*) để tạo thành chuỗi liên kết đa tầng kiểm chế Trung Quốc. Trung Quốc đã và đang bành trướng lãnh hải ở biển Đông một cách quyết liệt, đã biến biển Đông thành ngòi nổ nguy hiểm nhất ở vùng Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, đe dọa không chỉ an ninh khu vực Đông Nam Á và ASEAN, mà còn đe dọa an ninh của cả châu Á nói chung. Các tranh chấp ở biển Đông không còn là tranh chấp song phương giữa Trung Quốc và Việt Nam hoặc giữa Trung Quốc với Philippines hoặc giữa Trung Quốc với các nước thành viên khác nữa. Do đó các thỏa thuận đối tác chiến lược mới đây giữa Mỹ với Ấn Độ và giữa Nhật

Bản với Ấn Độ cùng với Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật Bản hơn nửa thế kỷ trước là những quy định chiến lược để ba nước này từng bước tái cân bằng quyền lực chiến lược tại châu Á. Liên minh Ấn Độ - Nhật Bản - Mỹ là một liên minh quốc tế dựa trên cơ sở lợi ích chiến lược chính đáng đối với tự do đi lại và tập trận trên biển theo thông lệ quốc tế và không thể bị Trung Quốc cản trở bất hợp pháp. Những hành động đáng chú ý về sự phát triển quan hệ 3 nước là sự tiếp tục các cuộc đối thoại chính thức và tiến hành các cuộc tập trận hải quân kết hợp giữa ba nước để phối hợp hành động tốt hơn ([http://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/205294/...](http://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/205294/)). Năm 2014 chúng ta đã chứng kiến những động thái chưa từng thấy của Ấn Độ với khu vực: Các cuộc viếng thăm cấp cao và các thỏa thuận kinh tế, an ninh và quân sự đạt được giữa Ấn Độ và các nước như Mỹ, Nhật Bản, Australia, Việt Nam, Indonesia. Lòng tin chiến lược giữa các bên được nâng cao một bước đáng kể. Nếu nhìn trên bản đồ, người ta không khó nhận ra các mối liên kết của Ấn Độ với các nước tạo thành những vòng cung chiến lược bao quanh Trung Quốc - đối tượng chính của cuộc cạnh tranh chiến lược ở châu Á - Thái Bình Dương.

Với Trung Quốc, năm 2014 đã có hàng loạt hành động vũ lực, quyết đoán, đe dọa hòa bình, an ninh và an toàn trên biển do họ gây ra. Ở vùng biển Hoa Đông có tranh chấp với Nhật Bản, Trung Quốc đã xây dựng một sân bay gần quần đảo tranh chấp Senkaku/Điếu Ngư. Ngoài ra, Trung Quốc cho xây dựng một căn cứ quân sự mới ở quần đảo Nanji chỉ cách Senkaku/Điếu Ngư ít phút bay. Từ căn cứ này, Trung Quốc có thể dùng trực thăng vận chuyển lính của Trung Quốc

mất khoảng 800km là tiếp cận quần đảo Senkaku/Điếu Ngư. Như vậy, chỉ trong vòng vài phút, cờ Trung Quốc sẽ xuất hiện trên các đảo và trên mạng. Đó là lý do Trung Quốc lập khá nhiều bãi đáp trực thăng và cũng là cách họ bắt đầu một cuộc chiến mà không bị coi là kẻ gây hấn. Ngoài ra, Trung Quốc còn triển khai hàng trăm tàu tới quần đảo Osagawa thuộc chuỗi đảo thứ hai trên biển Hoa Đông (<http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/216679/...>).

Trên biển Đông, sự kiện gây chấn động toàn thế giới là việc Trung Quốc ngang nhiên kéo giàn khoan dầu khí HD 981 vào hạ đặt trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Cuộc xâm lăng kết hợp dân sự và quân sự này của Trung Quốc tuy chỉ kéo dài hơn hai tháng (2/5-15/7/2014) nhưng đã tạo ra một bước ngoặt trong nhận thức của thế giới nói chung và của người Việt Nam nói riêng về chiến lược bành trướng lãnh thổ và sự ngang ngược bất chấp luật pháp quốc tế của Trung Quốc. Trung Quốc đã huy động hàng trăm tàu quân sự và bán quân sự, nhiều máy bay quân sự và trinh sát rầm rộ tiến vào vùng biển Việt Nam, cản phá và hung hãn đâm va các tàu cảnh sát biển và kiểm ngư cũng như tàu đánh cá của Việt Nam. Phía Việt Nam đã nhiều lần có công hàm đề nghị Trung Quốc đàm phán hòa bình để giải quyết vụ việc, nhưng đều bị lãnh đạo Trung Quốc bác bỏ. Hành vi sai trái của Trung Quốc đã vấp phải làn sóng phản đối mạnh mẽ của người dân Việt Nam và của cộng đồng quốc tế. Người đứng đầu Chính phủ Việt Nam đã liên tục tố cáo hành vi bất chấp luật pháp và đạo lý của Trung Quốc trên các diễn đàn quốc tế, nhất là

trong các hội nghị cấp cao ASEAN 2014 tại Myanmar. Trong công luận quốc tế, Mỹ, Nhật Bản và Ấn Độ đã đưa ra những cảnh cáo nghiêm khắc nhất đối với Trung Quốc. Trước sức ép của lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam và lên án của cộng đồng quốc tế, Trung Quốc đã phải rút giàn khoan HD 981 ra khỏi vùng biển Việt Nam ngày 15/7/2014. Nửa cuối năm 2014 đã diễn ra các cuộc viếng thăm và đàm phán cấp cao giữa hai nước nhằm ổn định tình hình, khôi phục quan hệ Việt-Trung. Và chỉ đến cuối năm, mối quan hệ song phương mới trở lại tương đối bình thường. Một lần nữa thế giới lại chứng kiến thành công của ngoại giao Việt Nam trong kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, bẻ gãy âm mưu và các mối đe dọa xâm lăng của các thế lực ngoại bang.

Hiện nay, giới quan sát đang theo dõi kiểu thức hành động mới của Trung Quốc trên biển Đông. Đó là họ đang tích cực triển khai trên quy mô lớn việc 'khai hoang' các bãi đá và đảo không người trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam, san lấp, mở rộng diện tích các đảo, bãi đá thành các hòn đảo nhân tạo, xây dựng chúng thành các căn cứ quân sự cho hải quân và không quân có diện tích nhiều km². Dư luận Việt Nam và cộng đồng quốc tế hết sức lo ngại về hậu quả của hình thái xâm lăng mới này của Trung Quốc - hình thái 'chiến tranh nguội'. Mục đích của Trung Quốc là tạo thế đứng chiến lược ở biển Đông, làm bàn đạp để khống chế toàn bộ biển Đông, đe dọa an ninh và chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhiều nước, đe dọa an ninh an toàn và tự do hàng hải trên biển Đông. Tính chất nguy hiểm của thủ đoạn mới này là ở chỗ, Trung Quốc dùng các lực lượng và trang thiết

bị phi quân sự, tiến hành chiến thuật ‘tầm ăn dâu’ hay ‘lát cắt Salam’ một cách âm thầm nhằm từng bước chiếm trọn biển Đông, thực hiện hoàn hảo mục tiêu ‘đường lưỡi bò’ mà không gặp phản ứng đáng kể nào từ các nước. Vì thế, có thể nói năm 2014 đã khép lại những mối lo âu về xu thế tiêu cực của cục diện chính trị châu Á - Thái Bình Dương nói chung và nguy cơ từ chủ nghĩa bành trướng Trung Quốc đối với Việt Nam vẫn không giảm đi là bao. Việt Nam vẫn phải không ngừng cảnh giác, đấu tranh và đánh thức công luận quốc tế.

IV. Kết luận

Năm 2014 đã khép lại, bức tranh địa chính trị thế giới năm 2014 tỏ ra hết sức u ám trên khắp mọi nơi. Từ nhiều năm nay, chưa bao giờ con người cảm thấy bất an như bây giờ. Sự bất an đến từ chủ nghĩa khủng bố quốc tế, khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu, từ các xung đột khu vực suốt từ châu Âu, qua Trung Đông đến châu Á - Thái Bình Dương, từ các dịch bệnh nguy hiểm không thuốc chữa (dịch Ebola) và từ các tham vọng địa chính trị cổ điển của một số thế lực cường quyền.

Sự đổ vỡ niềm tin chiến lược giữa các nhà nước đang ngày càng trở nên rõ rệt, gây cản trở lớn cho tiến trình hợp tác giữa các quốc gia trong giải quyết các bức xúc của thời đại và bảo đảm nền hòa bình bền vững lâu dài cho nhân loại.

Tuy thế, thế giới năm 2014 không chỉ toàn là màu xám, vì đâu đó vẫn tỏa sáng những hợp tác thành công giữa các

quốc gia vì sự thịnh vượng chung, như tiến trình tích cực của đàm phán TPP, thành tựu to lớn của tiến trình chuẩn bị ra đời Cộng đồng ASEAN vào cuối năm 2015, các hợp tác song phương giữa các đối tác chiến lược và đối tác toàn diện như giữa Việt Nam - Ấn Độ, Việt Nam - Hàn Quốc, Việt Nam - Nhật Bản, Việt Nam - Mỹ, Việt Nam - Nga, kể cả tiến trình khôi phục quan hệ Việt-Trung.

Chúng ta có quyền hy vọng về một năm 2015 tươi sáng, hòa bình và thịnh vượng cho toàn thể nhân loại nói chung và cho Việt Nam nói riêng □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Paul Craig Roberts (2014), *Russia Under Attack*, <http://www.paulcraigroberts.org/2014/02/14/russia-attack-paul-craig-roberts/>
2. <http://baodatviet.vn/the-gioi/quan-he-quoc-te/nga-se-chet-chim-trong-dai-chien-dau-giua-my-va-opec-3225258/>
3. <http://vietnamnet.vn/vn/quoc-te/217130/is-tra-n-to-i-afghanistan-va--pakistan.html>
4. <http://nld.com.vn/thoi-su-quoc-te/vu-tan-cong-tham-khoc-cua-boko-haram-qua-anh-ve-tinh-20150115200909673.htm>
5. <http://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/205294/bien-dong--can-the--chan-vac--my-an-nhat-.html>
6. <http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/216679/bao-my--tq-chuan-bi-cho-chien-tranh.html>